TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2022/DS-ST
Ngày: 29-6-2022
V/c "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Ngọc Hà;

Ông Đào Duy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa:* Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-DS ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Â, sinh năm: 1952; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Võ Minh H, sinh năm 1984; địa chỉ: đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2021.

Bị đơn: Anh K' B, sinh năm: 1987, chị Ka T, sinh năm: 1989; địa chỉ: thôn H, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Chị H có mặt, anh K' B, chị Ka T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thì:

Bà Mai Thị Â là mẹ chồng của chị có mở cửa hàng bán vật tư nông nghiệp tên Hiếu Hải – Thuần Ân. Ngày 20/7/2018, bà Â ký hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp với chị Ka T, theo đó bà Â bán cho chị Ka T các loại phân bón vô cơ và hữu cơ với tổng số tiền là 147.200.000 đồng và hai bên chốt nợ với nhau, cụ thể trước đó vào ngày 19/7/2018 bà Â bán cho chị Ka T phân bón hiệu NPK 20.20.15 số lượng 160 bao giá 700.000 đồng/bao = 112.000.000 đồng; ngày 26/8/2018 bà Â bán cho chị Ka T phân bón hiệu NPK 17.5.22 với số lượng 40 bao giá 600.000 đồng/bao = 24.000.000 đồng và phân bón lúa 20 bao với giá 560.000 đồng/bao = 11.200.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng mua bán, ký nhận và hai bên thỏa thuận chị Ka T thanh toán dần và hạn cuối cùng phải trả hết tiền là vào ngày 30/12/2018, đồng thời thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng trong hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp nói trên. Đến hạn chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 04/6/2019, chị Ka T xác nhận còn nợ bà Â số tiền nợ gốc là 147.200.000 đồng và viết giấy cam kết trả nợ gốc và lãi vào ngày 30/6/2019, nếu không thực hiện đúng cam kết thì sẽ chịu trách nhiệm chịu trả lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng nhưng đến nay chị Ka T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay bà Â khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh K’ B, chị Ka T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho số tiền nợ gốc là 147.200.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 20/5/2022 là 40 tháng 19 ngày (làm tròn thành 40 tháng) theo mức lãi suất 1,5%/tháng là 147.200.000 đồng x 40 tháng x 1,5%/tháng =88.320.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 235.520.000 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức 1,5%/tháng cho đến khi xét xử sơ thẩm vì chị Ka T mua phân bón về để canh tác, sản xuất phục vụ kinh tế gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị Ka T và anh K’ B.

Bị đơn anh K’ B, chị Ka T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K’ B, chị Ka T không đến Tòa làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K’ B, chị Ka T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 226.540.800 đồng (trong đó nợ gốc là 147.200.000 đồng, tiền nợ lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2022 là 35 tháng 28 ngày là 79.340.800 đồng). Bị đơn anh K’ Br, chị Ka T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh K’ B, chị Ka T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng

xét xử xét xử vắng bị đơn là bảo đảm theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Mai Thị Â, buộc bị đơn anh K' B, chị Ka T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Â số tiền 226.540.800 đồng (trong đó nợ gốc là 147.200.000 đồng, tiền nợ lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2022 là 35 tháng 28 ngày là 79.340.800 đồng).

Về án phí: Buộc anh K' B, chị Ka T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà Â yêu cầu anh K' B, chị Ka T thanh toán tiền mua phân bón nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, bị đơn anh K' B, chị Ka T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K' B, chị Ka T theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Ngày 20/7/2018 giữa bà Mai Thị Â và chị Ka T ký hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp. Theo đó, vào ngày 19/7/2018 bà Â bán cho chị Ka T phân bón hiệu NPK 20.20.15 số lượng 160 bao giá 700.000 đồng/bao = 112.000.000 đồng; ngày 26/8/2018 bà Â bán cho chị Ka T phân bón hiệu NPK 17.5.22 số lượng 40 bao giá 600.000 đồng/bao = 24.000.000 đồng và phân bón lúa 20 bao với giá 560.000 đồng/bao = 11.200.000 đồng. Tổng số tiền chị Ka T mua phân bón của bà Â là 147.200.000 đồng nhưng chị Ka T chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 04/6/2019 giữa bà Â và chị Ka T viết giấy xác nhận nợ với nhau, theo đó chị Ka T xác nhận còn nợ bà Â số tiền nợ gốc là 147.200.000 đồng, nợ lãi đến ngày 30/6/2019 là 24.290.000 đồng và chị T cam kết đến ngày 30/6/2019 sẽ trả nợ gốc và nợ lãi, nếu chậm trả thì phải chịu lãi suất là 1,5%/tháng. Cùng ngày (04/6/2019) chị Ka T viết giấy cam kết trả nợ, theo giấy cam kết trả nợ thì chị T cam kết với bà Â sẽ thanh toán các khoản nợ (kể cả nợ gốc và lãi) trước ngày 30/6/2019, nếu không thực hiện đúng như cam kết thì chịu lãi suất theo mức lãi suất 1,5%/tháng

nhưng đến hạn chị Ka T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh K' B, chị Ka T vẫn vắng mặt và cũng không xuất trình chứng cứ nào thể hiện việc đã trả nợ cho bà Â. Chị Ka T mua phân bón về để canh tác, sản xuất phục vụ kinh tế gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị Ka T và anh K' B. Như vậy, bà Â khởi kiện yêu cầu anh K' B, chị Ka T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc mua phân bón là 147.200.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả lãi thì thấy rằng: Chị Ka T và bà Â thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Buộc chị Ka T và anh K' B có trách nhiệm trả nợ lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử 29/6/2022 là 35 tháng 28 ngày = 79.340.800 đồng (147.200.000 đồng x1,5%/tháng x 35 tháng 28 ngày = 79.340.800 đồng).

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Â; buộc chị Ka T và anh K' B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Â số tiền 226.540.800 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 147.200.000 đồng, tiền nợ lãi là 79.340.800 đồng).

[4] Về án phí: Chị Ka T và anh K' B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Â không phải chị án phí dân sự sơ thẩm. Bà Â thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 431, khoản 3 Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Â về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* đối với chị Ka T và anh K' B, xử:

1. Buộc chị Ka T và anh K' B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Â số tiền 226.540.800 (hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn tám trăm) đồng ((trong đó tiền nợ gốc là 147.200.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, tiền nợ lãi là 79.340.800 (bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm) đồng)).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được

thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Ka T và anh K' B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Buộc chị Ka T và anh K' B phải chịu 11.327.040 (mười một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Mai Thị Â, sinh năm 1952, thuộc trường hợp *"Người cao tuổi"* theo Điều 2 Luật người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, bà Mai Thị Â được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Riêng chị Ka T và anh K' B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Chiến